

Số: 92 /TBHH-TCTBĐATHHMN Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 06 tháng 5 năm 2019

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Độ sâu các đoạn cạn Vịnh Gành Rái, Dầm Xây, Kervella, Mũi L'est, Propontis, Đá Hàn, phao "58", Navioil, P71-ĐT83, Vũng quay tàu VQ01, Vũng quay tàu VQ02 luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu năm 2019

HCM – 17 – 2019

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu.

Đoạn luồng: Các đoạn cạn Vịnh Gành Rái, Dầm Xây, Kervella, Mũi L'est, Propontis, Đá Hàn, phao "58", Navioil, P71-ĐT83, Vũng quay tàu VQ01, Vũng quay tàu VQ02.

Căn cứ bình đồ độ sâu các đoạn cạn ký hiệu VGR_1904_01 đến VGR_1904_05, DX_1904_01, DX_1904_02, KER_1904_01, KER_1904_02, ML_1904_01 đến ML_1904_04, PRO_1904, ĐH_1904, ĐC-P58_1904, NAVI_1904_01, NAVI_1904_02, P71-ĐT83_1904_01 đến P71-ĐT83_1904_07, VQ1_1904, VQ2_1904, tỷ lệ 1/2000 đo đạc và hoàn thành tháng 4/2019, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải,

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải thiết kế rộng 150m, đoạn Vịnh Gành Rái rộng 400m được giới hạn và hướng dẫn bằng hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0 Hải đồ" như sau:

1) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Vịnh Gành Rái (Đoạn từ thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số "8" luồng Vũng Tàu – Thị Vải + 800m đến thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số "3" luồng Sài Gòn – Vũng Tàu + 800m).

- Dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số "2" - 770m đến hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số "2" - 210m, chiều dài khoảng 550m, lún luồng xa nhất 190m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,3m.

- Dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số "4" - 400m đến hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số "4" - 130m, chiều dài khoảng 270m, lún luồng xa nhất 40m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,4m.

- Ngoài các dải cạn nêu trên độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5m trở lên.

2) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Dầm Xây (Đoạn từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số "29"- 400m đến thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số "26"+400):



- Xuất hiện điểm cạn có độ sâu 8,4m nằm bên trái luồng cách biên luồng khoảng 3m, tại khu vực phao báo hiệu hàng hải số “26”.

- Ngoài điểm cạn nêu trên, độ sâu đoạn luồng này đạt từ 8,5 m trở lên.

3) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Kervella (Đoạn từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “28” - 400m đến phao báo hiệu hàng hải số “33”):

- Dải cạn nằm bên phải luồng kéo dài từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “28” - 60m đến thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số “28” + 60m, chiều dài khoảng 120m, lún luồng xa nhất 30m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,8m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện điểm cạn có độ sâu 8,2m nằm bên trái luồng cách biên luồng khoảng 4m, tại hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “30” - 105m.

- Ngoài các điểm cạn nêu trên độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5m trở lên.

4) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Mũi L'est (Đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số “33” đến phao báo hiệu hàng hải số “37A”):

- Dải cạn nằm bên phải luồng kéo dài từ hạ lưu đăng tiêu số “35” - 30m đến thượng lưu đăng tiêu số “35” + 75m, chiều dài khoảng 105m, lún luồng xa nhất 15m, độ sâu nhỏ nhất đạt 8,0m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện điểm cạn có độ sâu 8,4m nằm sát bên phải luồng tại khu vực phao báo hiệu hàng hải số “37”.

- Xuất hiện điểm cạn có độ sâu 8,0m; 8,1m nằm sát bên trái luồng tại hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “40” lần lượt là 120m và 80m.

- Ngoài các điểm cạn nêu trên độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5m trở lên.

5) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Propontis (Đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số “37A” đến hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “46”-100m):

- Xuất hiện một số điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
8,3	10 ⁰ 35'30,5" N	106 ⁰ 51'31,0" E	10 ⁰ 35'26,9" N	106 ⁰ 51'37,5" E
8,3	10 ⁰ 35'31,7" N	106 ⁰ 51'31,7" E	10 ⁰ 35'28,1" N	106 ⁰ 51'38,1" E
8,3	10 ⁰ 35'31,9" N	106 ⁰ 51'24,3" E	10 ⁰ 35'28,3" N	106 ⁰ 51'30,7" E
8,4	10 ⁰ 35'41,9" N	106 ⁰ 51'29,3" E	10 ⁰ 35'38,3" N	106 ⁰ 51'35,8" E
8,1	10 ⁰ 35'44,8" N	106 ⁰ 51'31,1" E	10 ⁰ 35'41,2" N	106 ⁰ 51'37,5" E
8,4	10 ⁰ 35'52,5" N	106 ⁰ 51'40,8" E	10 ⁰ 35'48,8" N	106 ⁰ 51'47,2" E

- Ngoài các điểm cạn nêu trên độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5m trở lên.

6) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Đá Hàn (Đoạn từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “46”-100m đến thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số “43”+300m):
Độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5m trở lên.

7) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn phao “58” (Tại khu vực mũi Pha Mi):

5001
TỔ
NG TY
OANH
MIỀN
A.T.B

- Dải cạn nằm bên trái luồng, kéo dài từ phao báo hiệu hàng hải số “58” về việc thượng lưu khoảng 150m, lún luồng xa nhất khoảng 75m, độ sâu nhỏ nhất 7,4m.

- Ngoài dải cạn nêu trên độ sâu tại đoạn cạn này đạt 8,5m trở lên.

8) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn Navioil (Đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số “67” đến thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số “69”+850m): Độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5m trở lên.

9) Trong phạm vi khảo sát đoạn cạn P71-ĐT83 (Đoạn từ phao báo hiệu hàng hải số “71” đến thượng lưu đăng tiêu “83”+1300m):

- Dải cạn chắn ngang luồng kéo dài từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “64” – 140m đến thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số “64” + 360m, chiều dài khoảng 500m, độ sâu nhỏ nhất trên tim luồng đạt 8,1m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn là 7,2m nằm sát biên trái luồng.

- Xuất hiện một số điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
8,4	10 ⁰ 44’37,8” N	106 ⁰ 44’54,6” E	10 ⁰ 44’34,1” N	106 ⁰ 45’01,0” E
8,3	10 ⁰ 44’37,8” N	106 ⁰ 44’53,3” E	10 ⁰ 44’34,2” N	106 ⁰ 44’59,8” E
8,4	10 ⁰ 44’38,0” N	106 ⁰ 44’50,4” E	10 ⁰ 44’34,3” N	106 ⁰ 44’56,9” E
8,4	10 ⁰ 44’38,6” N	106 ⁰ 44’45,9” E	10 ⁰ 44’34,9” N	106 ⁰ 44’52,3” E
8,1	10 ⁰ 44’51,5” N	106 ⁰ 44’29,6” E	10 ⁰ 44’47,8” N	106 ⁰ 44’36,0” E
8,1	10 ⁰ 44’46,5” N	106 ⁰ 44’29,8” E	10 ⁰ 44’42,8” N	106 ⁰ 44’36,3” E

- Dải cạn nằm bên phải luồng kéo dài từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “77” - 240m đến thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số “77” + 380m, chiều dài khoảng 620m, lún luồng xa nhất khoảng 45m, độ sâu nhỏ nhất đạt 7,5m nằm sát biên luồng.

- Dải cạn chắn ngang luồng kéo dài từ thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số “77” + 380m đến thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số “77” + 770m, chiều dài khoảng 390m, độ sâu nhỏ nhất trên tim luồng đạt 8,4m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn đạt 8,1m nằm sát biên trái luồng.

- Dải cạn nằm bên trái luồng kéo dài từ hạ lưu phao báo hiệu hàng hải số “66” - 75m đến thượng lưu phao báo hiệu hàng hải số “66” + 140m, chiều dài khoảng 215m, lún luồng xa nhất khoảng 14m, độ sâu nhỏ nhất trong dải cạn đạt 7,2m nằm sát biên luồng.

- Xuất hiện một số điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
8,4	10 ⁰ 46’39,1” N	106 ⁰ 44’13,7” E	10 ⁰ 46’35,4” N	106 ⁰ 44’20,2” E
8,2	10 ⁰ 46’03,8” N	106 ⁰ 43’57,0” E	10 ⁰ 46’00,2” N	106 ⁰ 44’03,5” E
8,0	10 ⁰ 46’03,8” N	106 ⁰ 43’57,3” E	10 ⁰ 46’00,2” N	106 ⁰ 44’03,7” E

11379
G
ẢO Đ
ANGH
IAM
ARIAV

- Ngoài các dải cạn và điểm cạn nêu trên độ sâu tại đoạn luồng này đạt 8,5m trở lên.

10) Trong phạm vi khảo sát vũng quay tàu VQ01 là nửa đường tròn đường kính 340m tại khu vực đối diện cảng Sài Gòn: Độ sâu đạt 3,3m trở lên.

11) Trong phạm vi khảo sát vũng quay tàu VQ02 là nửa đường tròn đường kính 480m tại khu vực đối diện với Kênh Tê: Độ sâu đạt 6,1m trở lên

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành hải trên luồng hàng hải Sài Gòn – Vũng Tàu căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý các điểm cạn, dải cạn nêu trên và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải TP. Hồ Chí Minh. /

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH_{Dg}.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Thế Hùng



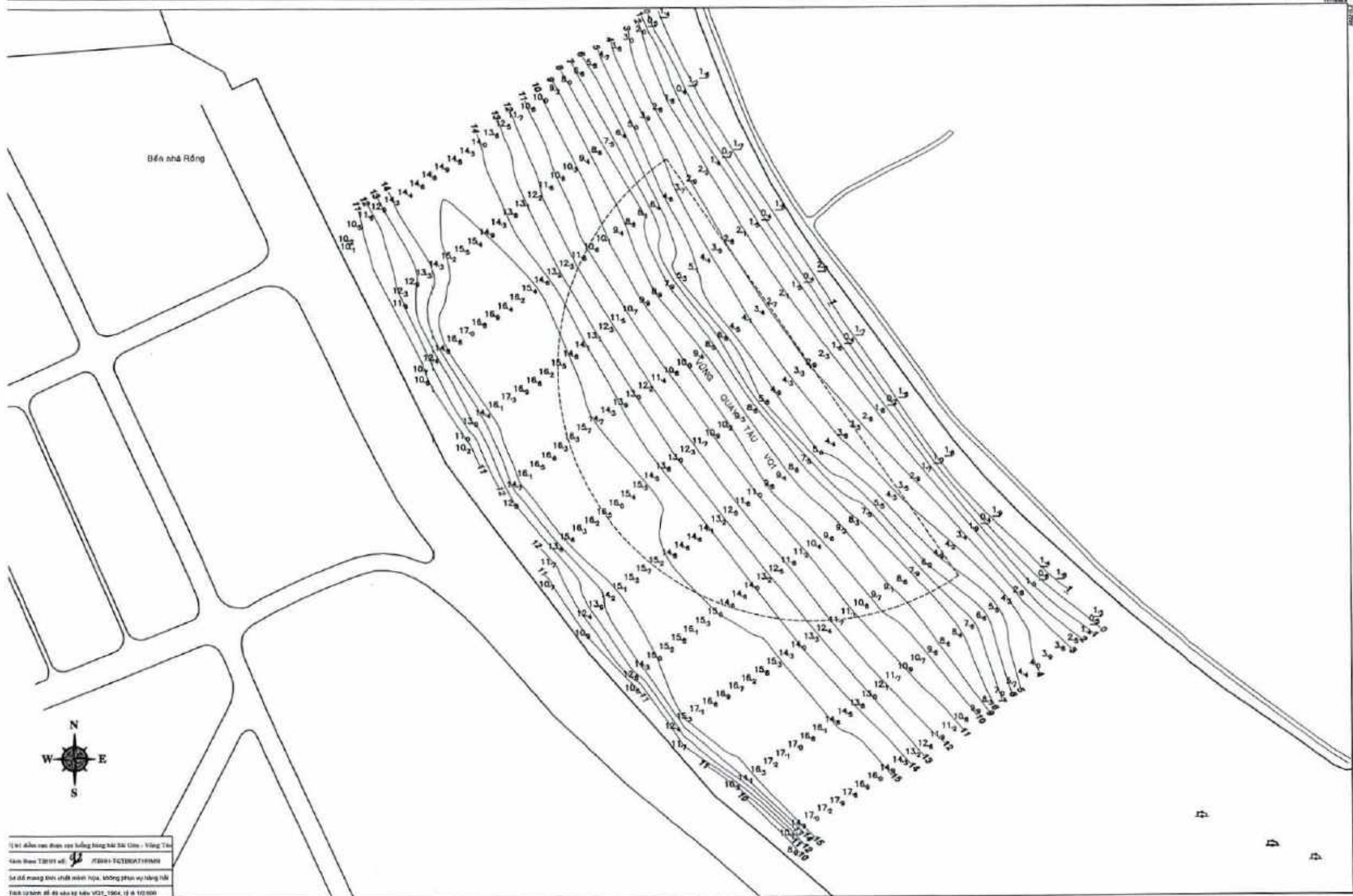
Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 4 Cục Cảnh sát biển
- 5 Chi Cục đường sông phía Nam
- 6 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam
- 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam

 - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (Dong Do MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang
- 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 12 Bộ đội biên phòng thành phố Hồ Chí Minh
- 13 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 14 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 15 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)
- 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 17 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 20 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 21 Cảng Sài Gòn
- 22 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 23 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 24 XN Khảo sát hàng hải miền Nam
- 25 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 26 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô
- 27 XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I

- 28 Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng
- 29 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV I
- 30 Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng
- 31 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu
- 32 Sở GTVT & Sở NN&PTNN TP.HCM

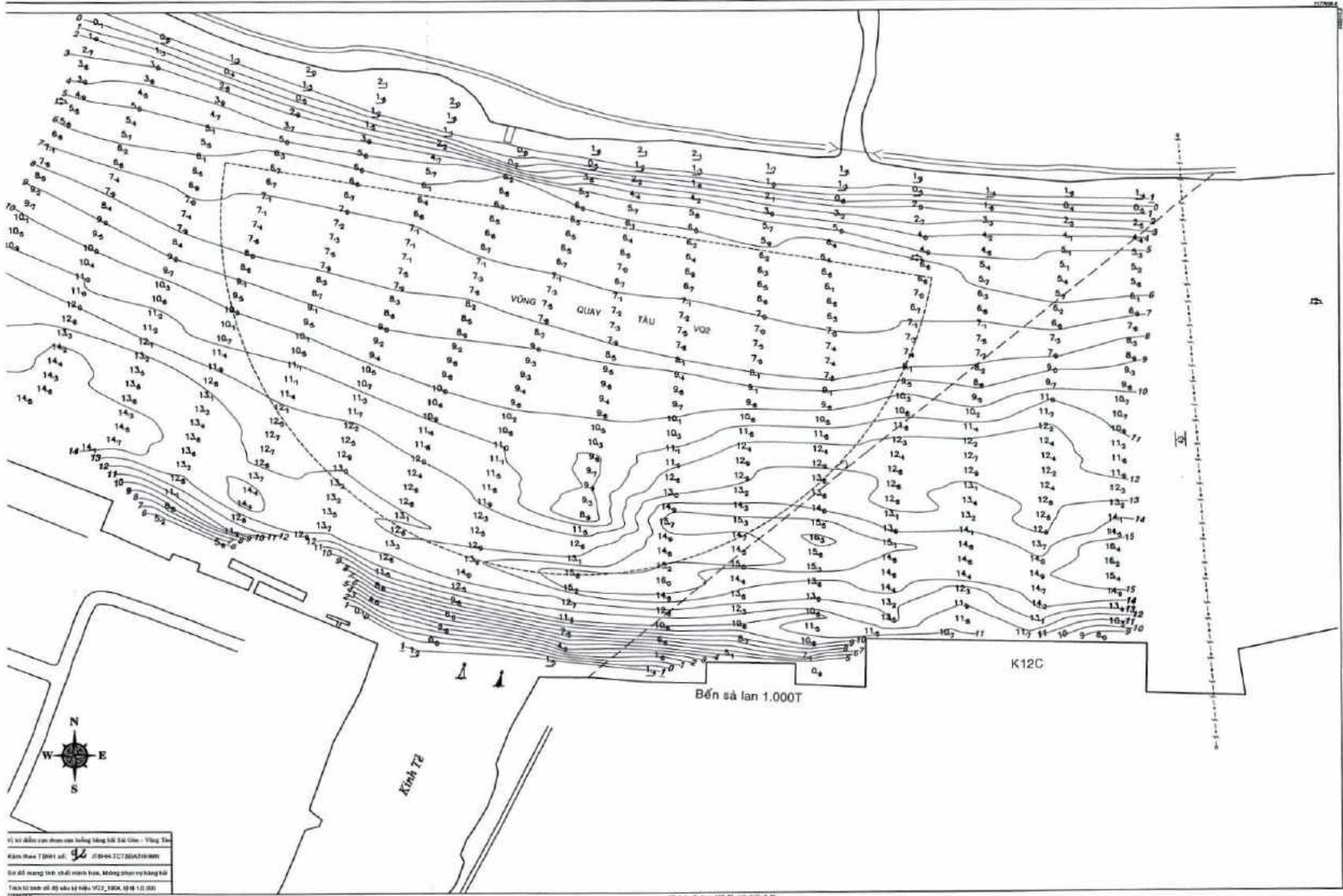




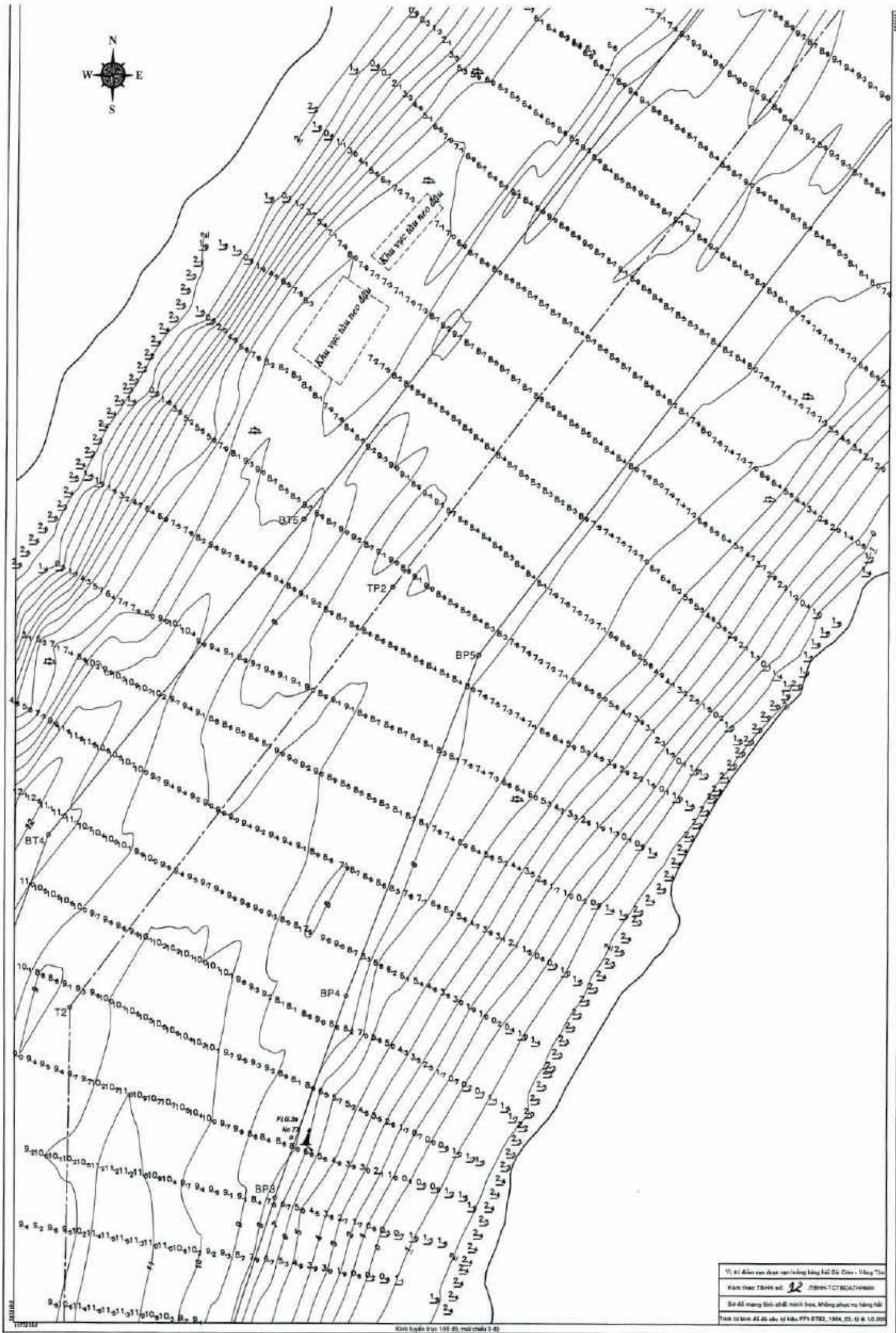
Bến nhà Rồng



1/1: Ảnh của đơn vị bằng hình vẽ 3D - Vĩng Tin
 Đơn vị: 1/1 (1/1) - 1/1 (1/1)
 1/1: Ảnh của đơn vị bằng hình vẽ 3D - Vĩng Tin
 Đơn vị: 1/1 (1/1) - 1/1 (1/1)
 1/1: Ảnh của đơn vị bằng hình vẽ 3D - Vĩng Tin
 Đơn vị: 1/1 (1/1) - 1/1 (1/1)

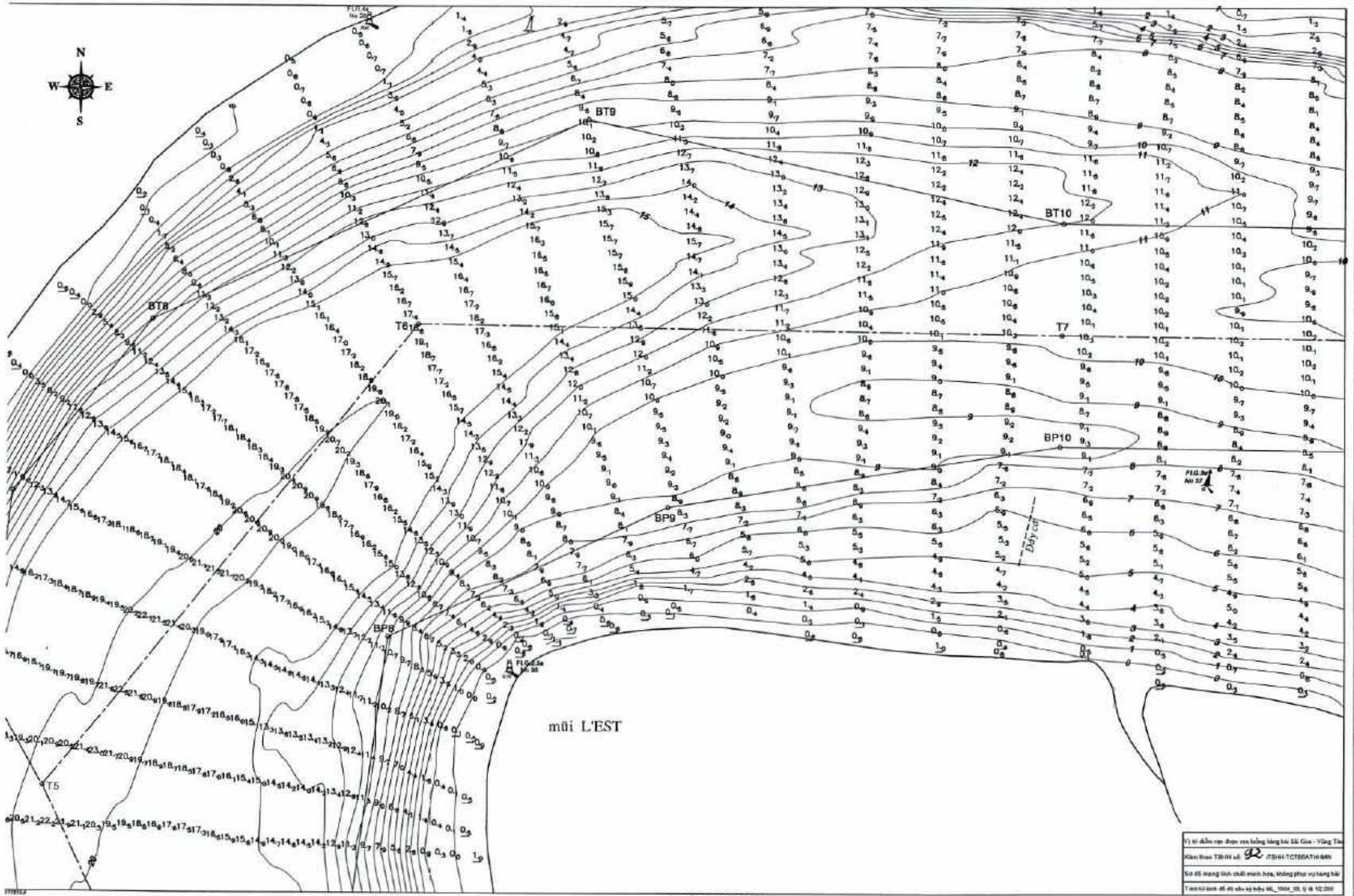


1) 1:1000
 2) 1:1000
 3) 1:1000
 4) 1:1000
 5) 1:1000
 6) 1:1000
 7) 1:1000
 8) 1:1000
 9) 1:1000
 10) 1:1000
 11) 1:1000
 12) 1:1000
 13) 1:1000
 14) 1:1000
 15) 1:1000
 16) 1:1000
 17) 1:1000
 18) 1:1000
 19) 1:1000
 20) 1:1000
 21) 1:1000
 22) 1:1000
 23) 1:1000
 24) 1:1000
 25) 1:1000
 26) 1:1000
 27) 1:1000
 28) 1:1000
 29) 1:1000
 30) 1:1000
 31) 1:1000
 32) 1:1000
 33) 1:1000
 34) 1:1000
 35) 1:1000
 36) 1:1000
 37) 1:1000
 38) 1:1000
 39) 1:1000
 40) 1:1000
 41) 1:1000
 42) 1:1000
 43) 1:1000
 44) 1:1000
 45) 1:1000
 46) 1:1000
 47) 1:1000
 48) 1:1000
 49) 1:1000
 50) 1:1000
 51) 1:1000
 52) 1:1000
 53) 1:1000
 54) 1:1000
 55) 1:1000
 56) 1:1000
 57) 1:1000
 58) 1:1000
 59) 1:1000
 60) 1:1000
 61) 1:1000
 62) 1:1000
 63) 1:1000
 64) 1:1000
 65) 1:1000
 66) 1:1000
 67) 1:1000
 68) 1:1000
 69) 1:1000
 70) 1:1000
 71) 1:1000
 72) 1:1000
 73) 1:1000
 74) 1:1000
 75) 1:1000
 76) 1:1000
 77) 1:1000
 78) 1:1000
 79) 1:1000
 80) 1:1000
 81) 1:1000
 82) 1:1000
 83) 1:1000
 84) 1:1000
 85) 1:1000
 86) 1:1000
 87) 1:1000
 88) 1:1000
 89) 1:1000
 90) 1:1000
 91) 1:1000
 92) 1:1000
 93) 1:1000
 94) 1:1000
 95) 1:1000
 96) 1:1000
 97) 1:1000
 98) 1:1000
 99) 1:1000
 100) 1:1000
 101) 1:1000
 102) 1:1000
 103) 1:1000
 104) 1:1000
 105) 1:1000
 106) 1:1000
 107) 1:1000
 108) 1:1000
 109) 1:1000
 110) 1:1000
 111) 1:1000
 112) 1:1000
 113) 1:1000
 114) 1:1000
 115) 1:1000
 116) 1:1000
 117) 1:1000
 118) 1:1000
 119) 1:1000
 120) 1:1000
 121) 1:1000
 122) 1:1000
 123) 1:1000
 124) 1:1000
 125) 1:1000
 126) 1:1000
 127) 1:1000
 128) 1:1000
 129) 1:1000
 130) 1:1000
 131) 1:1000
 132) 1:1000
 133) 1:1000
 134) 1:1000
 135) 1:1000
 136) 1:1000
 137) 1:1000
 138) 1:1000
 139) 1:1000
 140) 1:1000
 141) 1:1000
 142) 1:1000
 143) 1:1000
 144) 1:1000
 145) 1:1000
 146) 1:1000
 147) 1:1000
 148) 1:1000
 149) 1:1000
 150) 1:1000
 151) 1:1000
 152) 1:1000
 153) 1:1000
 154) 1:1000
 155) 1:1000
 156) 1:1000
 157) 1:1000
 158) 1:1000
 159) 1:1000
 160) 1:1000
 161) 1:1000
 162) 1:1000
 163) 1:1000
 164) 1:1000
 165) 1:1000
 166) 1:1000
 167) 1:1000
 168) 1:1000
 169) 1:1000
 170) 1:1000
 171) 1:1000
 172) 1:1000
 173) 1:1000
 174) 1:1000
 175) 1:1000
 176) 1:1000
 177) 1:1000
 178) 1:1000
 179) 1:1000
 180) 1:1000
 181) 1:1000
 182) 1:1000
 183) 1:1000
 184) 1:1000
 185) 1:1000
 186) 1:1000
 187) 1:1000
 188) 1:1000
 189) 1:1000
 190) 1:1000
 191) 1:1000
 192) 1:1000
 193) 1:1000
 194) 1:1000
 195) 1:1000
 196) 1:1000
 197) 1:1000
 198) 1:1000
 199) 1:1000
 200) 1:1000

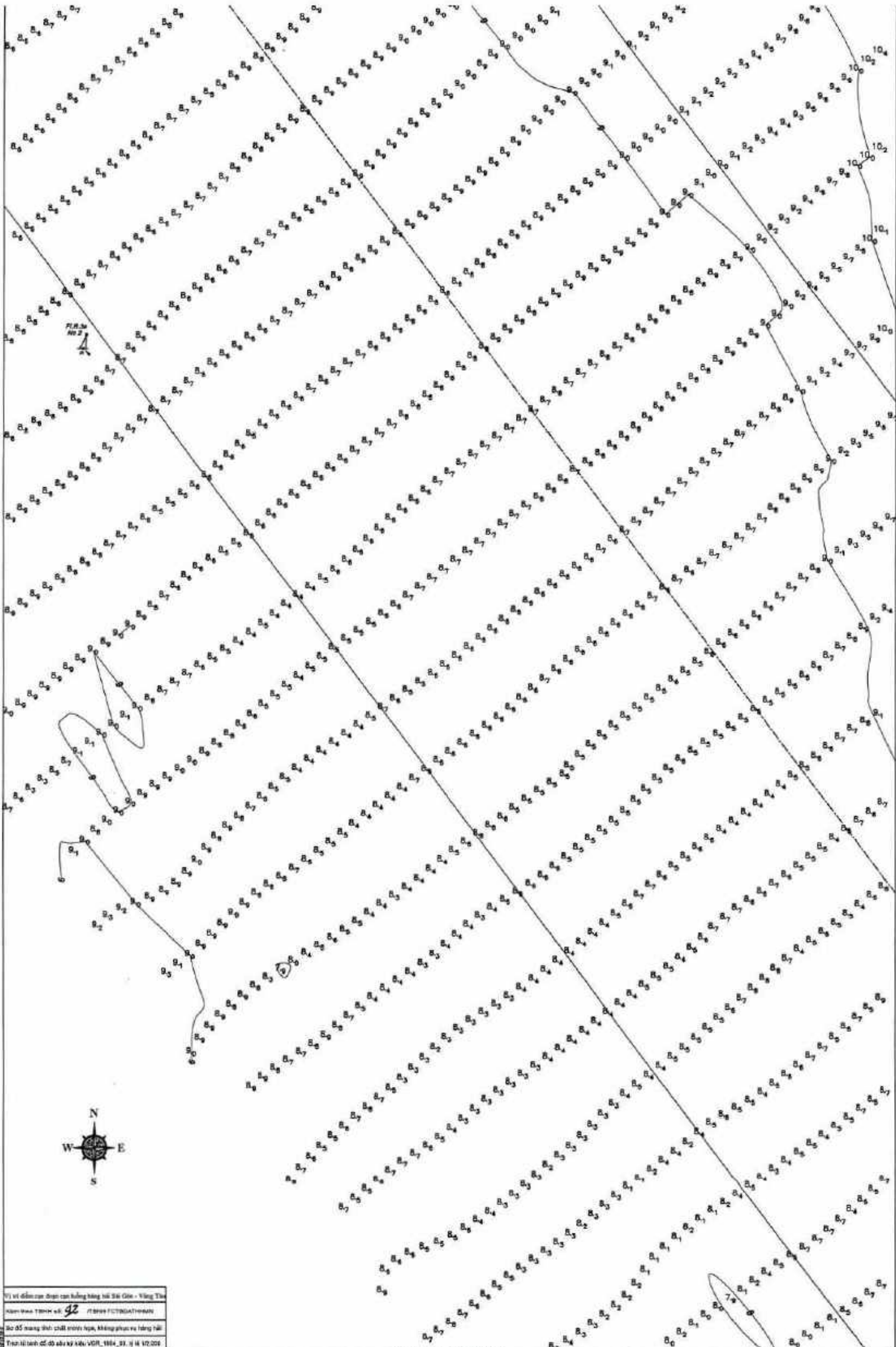


Vị trí điểm san được nêu trong bảng kê tại Sơ Đồ - Ứng Dụng
Kính chào TRƯỞNG SỞ 22 TỈNH-TCTRƯỞNG HẠNH
Số địa phương liên quan chính xác. Không phục vụ tương lai
Trình độ kinh tế địa phương hiện tại 771 8782, 1984, 05, 10 W 1.0.000

90
ĐAM
HÀ
AVU

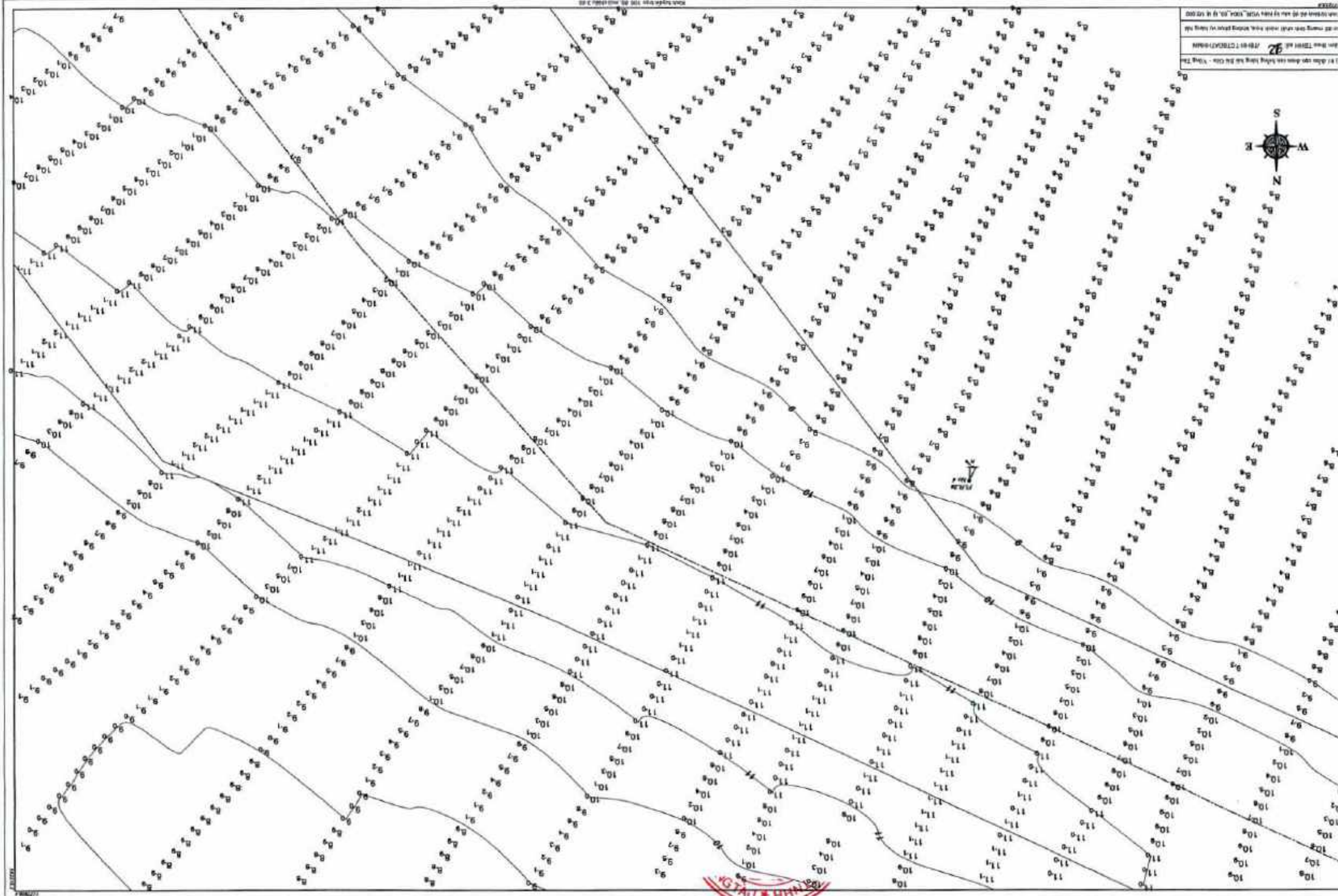


Vị trí điểm này được vẽ bằng hàng hải S&C Gia - Vũng Tàu
 Năm tháng 12-84 số 22 TĐNH 1CTĐNH16 MN
 Số để mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Tài liệu này do Bộ chỉ huy Hải quân, 1984, số 18 12 2001



Vị trí điểm san lấp tại khu vực hồ Bàu Gòn - Vĩnh Thọ
 Năm thực hiện: 92 / 1:2000 / 1:2000A / 1:2000B
 Bộ 05 hàng thiết kế: thiết kế kỹ thuật, không phụ thuộc vào hàng thiết kế
 Trích từ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50,000, năm 1984, số 14 102.001
 1:2000A

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100.



HAI PHU * HAI PHU